

Bản án số: 34/2017/DS-ST

Ngày: 20-7-2017

V/v tranh chấp “*Hợp đồng dịch vụ*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Đỗ Thị Thúy Năng**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Phạm Xoa**

2. Ông **Huỳnh Thanh Trà**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Phạm Lê Mai Ly**, Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà **Trần Nhã Minh Hoàng** - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 7 năm 2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 66/2017/TLST-DS ngày 20 tháng 3 năm 2017 về tranh chấp “*Hợp đồng dịch vụ*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2017/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 6 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 33/2017/QĐST-DS ngày 30 tháng 6 năm 2017, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* **Tổng Công ty Dịch vụ V** Trụ sở tại: 57 đường H, thành phố Hà Nội. Đại diện theo pháp luật: Ông Tô Dũng Th - Chức vụ: Tổng Giám đốc. Đại diện theo ủy quyền là ông Đỗ Minh T - Chức vụ: Giám đốc Trung tâm kinh doanh T - Đà Nẵng. Ông Đỗ Minh T ủy quyền lại cho ông Nguyễn Việt Y - Cán bộ phụ trách công nợ của Trung tâm kinh doanh T - Đà Nẵng; Địa chỉ: 50 đường N, quận H, thành phố Đà Nẵng (Giấy ủy quyền số: 08/VNPT-VNP-TTKD VNPT-ĐN lập ngày 10/3/2017), (có mặt).

2. *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Anh T** - sinh năm 1965; Địa chỉ: 54/14 đường O, quận

H, thành phố Đà Nẵng, (vắng mặt lần 2).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, theo lời trình bày của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, nội dung vụ án như sau:

Vào ngày 08/5/2004, giữa Công ty dịch vụ V Đà Nẵng và ông Nguyễn Anh T đã ký hợp đồng số 8803/3227 về việc cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông, số thuê bao là 0913418xxx.

Trong quá trình sử dụng dịch vụ viễn thông đến nay, ông Nguyễn Anh T còn nợ Tổng công ty dịch vụ V số tiền cước phí là 1.432.232 đồng. Nay Tổng công ty dịch vụ V yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Anh T phải trả một lần dứt điểm số tiền nợ cước phí điện thoại là 1.432.232 đồng, không yêu cầu lãi suất.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến Tòa nhiều lần đối với ông Nguyễn Anh T để lấy lời khai và hòa giải theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, tuy nhiên ông T đều không có mặt và không có lý do gì về việc vắng mặt nên không lấy được lời khai và hòa giải về nội dung tranh chấp trong vụ án được.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo về các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa theo qui định của Bộ luật tố tụng dân sự, nhưng ông Nguyễn Anh T vẫn không có mặt tại TAND quận Hải Châu để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Do đó, căn cứ vào khoản 2 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX xét xử vắng mặt ông Nguyễn Anh T.

[2] Về nội dung: Ngày 08/5/2004, giữa Công ty dịch vụ V Đà Nẵng trực thuộc Tổng công ty dịch vụ V và ông Nguyễn Anh T đã ký hợp đồng số 8803/3227 về việc cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông, số thuê bao là 0913418xxx.

Trong quá trình sử dụng dịch vụ viễn thông, ông Nguyễn Anh T còn nợ Tổng công ty dịch vụ V số tiền cước phí các tháng 11, 12 năm 2014 và tháng 01 năm 2015 là 1.432.232 đồng.

Tổng công ty dịch vụ V đã nhiều lần gửi giấy báo thanh toán cước phí, để thu hồi nợ nhưng ông T vẫn không thanh toán. Tại phiên tòa hôm nay, đại diện theo ủy quyền Tổng công ty dịch vụ V - Trung tâm Kinh doanh T - Đà Nẵng yêu cầu ông Nguyễn Anh T phải trả số tiền nợ cước phí viễn thông là 1.432.232 đồng, ngoài ra không có yêu cầu nào khác.

Xét yêu cầu của Tổng công ty dịch vụ V - Trung tâm Kinh doanh T - Đà Nẵng thì thấy: Sau khi ký hợp đồng cung cấp dịch vụ viễn thông, Tổng công ty dịch vụ V đã thực hiện cung cấp dịch vụ viễn thông cho ông Nguyễn Anh T, tuy nhiên ông T đã không thanh toán cước phí các tháng 11, 12 năm 2014 và tháng 01 năm 2015 cho Tổng công ty là vi phạm hợp đồng, nên cần buộc ông Nguyễn Anh T phải trả cho Tổng công ty dịch vụ V - Trung tâm Kinh doanh T - Đà Nẵng số tiền còn nợ cước phí là 1.432.232 đồng, là có căn cứ và phù hợp với Điều 518 và Điều 520 Bộ luật dân sự năm 2005.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau: Trong quá trình thực hiện hợp đồng cung cấp dịch vụ viễn thông, Tổng công ty dịch vụ V đã thực hiện cung cấp dịch vụ cho ông Nguyễn Anh T, tuy nhiên ông T đã không thanh toán cước phí hàng tháng cho Công ty là vi phạm hợp đồng, nên cần buộc ông Nguyễn Anh T thanh toán cước phí dịch vụ viễn thông cho Tổng công ty dịch vụ V với số tiền cụ thể là 1.432.232đ.

Án phí dân sự sơ thẩm ông Nguyễn Anh T phải chịu theo qui định là 300.000đ.

Tổng công ty dịch vụ V không phải chịu án phí. Hoàn trả cho Tổng công ty dịch vụ V số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số 5860 ngày 20/3/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 2 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự
- Điều 518 và Điều 520 Bộ luật dân sự năm 2005.
- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Tổng công ty dịch vụ V - Trung tâm kinh doanh T - Đà Nẵng đối với ông Nguyễn Anh T.

Xử:

1. Buộc ông Nguyễn Anh T phải trả cho Tổng công ty dịch vụ V - Trung tâm Kinh doanh T - Đà Nẵng số tiền 1.432.232đ (Một triệu bốn trăm ba mươi hai nghìn hai trăm ba mươi hai đồng).

2. Án phí dân sự sơ thẩm 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), ông Nguyễn Anh T phải chịu.

Hoàn trả cho Tổng công ty dịch vụ V số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 5860 ngày 20/3/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành không thực hiện nghĩa vụ thì phải chịu lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ Luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

3. Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc Tòa án niêm yết bản án tại địa phương nơi cư trú.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự;

thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND quận Hải Châu;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Đỗ Thị Thúy Năng